

Bản án số: 01/2020/KDTM-ST

Ngày 16- 6- 2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hoan;

2. Ông Từ Minh Hải.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lự, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở tòa án nhân dân huyện L tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 01/2020/TLST- KDTM ngày 18/02/2020 về Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-KDTM ngày 04/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-KDTM ngày 19/5/2020, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)

Địa chỉ: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí Dũng - Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Văn T, chuyên viên cao cấp Ngân hàng VPBank.

Địa chỉ: Nhà A, khu ký túc xá sinh viên, đường Hoàng Văn Thụ, thành phố B, tỉnh B (có mặt)

- ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Bà Trần Thị C, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T II, xã D, huyện L, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/02/2020, các biên bản khai và diễn biến tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, do ông Vũ Văn T đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (sau đây được viết tắt là Ngân hàng) ký Hợp đồng tín dụng số: 4336085 ngày 28/8/2015 với ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị C là hộ kinh doanh cá thể. Theo đó Ngân hàng đã giải ngân cho ông C và bà C số tiền 840.000.000đ (Tám trăm, bốn mươi triệu đồng) theo khế ước nhận nợ, với mục đích bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh mua bán vật liệu xây dựng. Lãi suất trong hạn 10,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150%/năm lãi suất trong hạn, lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn được điều chỉnh theo các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày 28/8/2015 đến ngày 28/8/2022.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng tín dụng số: 4336085 ngày 28/8/2015 và khế ước nhận nợ, Ngân hàng với ông C và bà C đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 4336085 và số 4318061 ngày 28/8/2015, hợp đồng đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng Công chứng Xương Giang, địa chỉ: Số 396 đường Lê Lợi, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B, tỉnh B. Theo đó ông C và bà C đã dùng tài sản bảo đảm của mình để bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng đã ký gồm:

- Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và T bộ các quyền và lợi ích phát sinh từ thửa đất số 00, tờ bản đồ 00, diện tích 200m² đất ở tại nông thôn tại địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện L, tỉnh B, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 915940, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H03936, số 1565/QĐ-UBND do UBND huyện L cấp ngày 01/7/2009 cho ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị C.

- Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và T bộ các quyền và lợi ích phát sinh từ thửa đất số 00, tờ bản đồ 00, diện tích 200m² đất ở tại nông thôn tại địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện L, tỉnh B, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 915939, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H03868, số 1565/QĐ-UBND do UBND huyện L cấp ngày 01/7/2009 cho ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị C.

Ngoài ra 02 tài sản trên còn bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng số 4318061 ngày 28/8/2015 đã ký kết giữa Ngân hàng với ông C và bà C tại Hợp đồng thế chấp số 4318061 và khế ước nhận nợ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông C và bà C đã trả Ngân hàng được tổng số tiền: 786.925.780 đồng, trong đó tiền gốc 473.633.362 đồng, tiền lãi 131.292.418. Do ông C, bà C vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên T bộ khoản vay trên chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 01/7/2019. Ngân hàng đã thông báo trả nợ nhiều lần nhưng ông C và bà C không thanh toán được nên Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu ông C và bà C trả nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 16/6/2020 tổng số tiền nợ gốc: 366.366.638 đồng, nợ lãi: 40.010.926 đồng, tổng nợ: 406.377.564 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đến khi thanh toán xong. Trường hợp ông C và bà C không thanh

toán thì đề nghị xử lý các tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ, đảm bảo quyền lợi cho Ngân hàng.

- Hộ kinh doanh cá thể của ông C và bà C có địa chỉ tại Thôn T II, xã D, huyện L, tỉnh B. Do ông C, bà C đi vắng, không có mặt ở địa phương nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông C và bà C không cung cấp lời khai, có đơn xin hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

Đại diện VKSND huyện L phát biểu ý kiến: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong cả quá trình tố tụng, đảm bảo đúng quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 30, 147, 227, 228 Điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 342, 343, 347, 348, 351, 355 BLDS 2005; Điều 24, Điều 26 Nghị quyết 326 của UBTVQH xử chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

1. Buộc Ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị C thanh toán trả Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 16/6/2020 là: Nợ gốc 366.366.638 đồng, nợ lãi: 40.010.926 đồng, tổng nợ: 406.377.564 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh đến khi thanh toán xong.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông C, bà C không thanh toán trả Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền đề nghị phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

Ngoài ra còn đề xuất giải quyết về án phí và các chi phí tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Ông C và bà C vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của BLTTDS xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Nội dung vụ án: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (sau đây được viết tắt là Ngân hàng) đã ký Hợp đồng tín dụng số 4336085 ngày 28/8/2015 với ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị C là hộ kinh doanh cá thể. Theo đó Ngân hàng đã giải ngân cho ông C và bà C số tiền 840.000.000đ (Tám trăm, bốn mươi nghìn đồng), mục đích bổ sung vốn kinh doanh. Lãi suất trong hạn 10,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150%/năm lãi suất trong hạn. Thời hạn vay 84 tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông C và bà C đã trả Ngân hàng được tổng số tiền: 786.925.780 đồng, trong đó tiền gốc 473.633.362 đồng, tiền lãi 331.292.442. Nay ông C và bà C vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông C và bà C thanh toán nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 16/6/2020 gồm: Nợ gốc 366.366.638 đồng, nợ lãi: 40.010.926 đồng, tổng nợ: 406.377.564 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ cần chấp nhận.

[3] Ngoài ra để đảm bảo cho nghĩa vụ quy định tại hợp đồng tín dụng số: 4336085 ngày 28/8/2015 ông C, bà C và Ngân hàng đã ký hợp đồng thế chấp số 4336085 và số 4318061 ngày 28/8/2015, tài sản bảo đảm gồm:

- Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và T bộ các quyền và lợi ích phát sinh từ thửa đất số 00, tờ bản đồ 00, diện tích 200m² đất ở tại nông thôn tại địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện L, tỉnh B, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 915940, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H03936, số 1565/QĐ-UBND do UBND huyện L cấp ngày 01/7/2009 cho ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị C.

- Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và T bộ các quyền và lợi ích phát sinh từ thửa đất số 00, tờ bản đồ 00, diện tích 200m² đất ở tại nông thôn tại địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện L, tỉnh B, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 915939, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H03868, số 1565/QĐ-UBND do UBND huyện L cấp ngày 01/7/2009 cho ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị C.

Ngoài ra 02 tài sản trên còn bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng số 4318061 ngày 28/8/2015 đã ký kết giữa Ngân hàng với ông C và bà C tại Hợp đồng thế chấp số 4318061 ngày 28/8/2015 và khế ước nhận nợ.

Căn cứ các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, khế ước nhận nợ, căn cứ các Điều 342, 343, 347, 348, 351, 355 BLDS 2005 và Điều 3, Điều 7 Nghị quyết số 42/2017 QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc Hội về thí điểm xử lý nợ xấu tại các tổ chức tín dụng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại các tài sản tại Hợp đồng thế chấp số 4336085 và số 4318061 ngày 28/8/2015. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp.

[4] Về tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Quá trình giải quyết vụ án chi phí hết 2.000.000 đồng tiền xem xét thẩm định tại chỗ tài sản. Đại diện Ngân hàng đã nộp đủ, cần buộc ông C và bà C thanh toán trả Ngân hàng.

[5] Về tiền án phí: Ông C và bà C phải chịu 20.255.102 đồng tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng số tiền 10.800.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 147, 157, 227, 228 Điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 342, 343, 347, 348, 351, 355 BLDS 2005 và các điều 3, điều 7 của NQ số 42/2017 QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc Hội về thí điểm xử lý nợ xấu tại các tổ chức tín dụng Điều 24, Điều 26 Nghị quyết 326 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị C thanh toán trả Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) tính đến ngày xét xử sơ thẩm 16/6/2020 số tiền: Nợ gốc 366.366.638 đồng, nợ lãi: 40.010.926 đồng, tổng nợ: 406.377.564 và tiếp tục tính lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày tiếp theo 17/6/2020 đến khi thanh toán xong.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông C và bà C không thanh toán được bằng tiền cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng thì Ngân hàng được quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản tại Hợp đồng thế chấp số 4336085 ngày 28/8/2015 và Hợp đồng thế chấp số 4318061 ngày 28/8/2015, tài sản gồm:

- Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và T bộ các quyền và lợi ích phát sinh từ thửa đất số 00, tờ bản đồ 00, diện tích 200m² đất ở tại nông thôn tại địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện L, tỉnh B, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 915940, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H03936, số 1565/QĐ-UBND do UBND huyện L cấp ngày 01/7/2009 cho ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị C.

- Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và T bộ các quyền và lợi ích phát sinh từ thửa đất số 00, tờ bản đồ 00, diện tích 200m² đất ở tại nông thôn tại địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện L, tỉnh B, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 915939, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H03868, số 1565/QĐ-UBND do UBND huyện L cấp ngày 01/7/2009 cho ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị C

3. Án phí: Ông C và bà C phải chịu 20.255.102 đồng tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ông C và bà C thanh toán trả Ngân hàng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản.

Trả lại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng số tiền 10.800.000 đồng (Mười triệu, tám trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0004604 ngày 18/02/2020 tại chi cục thi hành án huyện L.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoan Từ Minh Hải

Tạ Thị Thu Thủy

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Thu Thủy